

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển phát kết quả TTHC qua dịch vụ BCCI và chính sách giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/9/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá quy định mức thu, miễn, giảm thu, nộp và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh;

Thực hiện Công văn số 19588/UBND – KSTTHCNC của UBND tỉnh Thanh Hoá ngày 31/12/2024 về việc hỗ trợ chi phí chuyển phát kết quả TTHC qua dịch vụ BCCI khi người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

UBND xã Quảng Đức thông báo đến tổ chức, cá nhân, người dân về chính sách miễn giảm gia cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển phát kết quả TTHC qua dịch vụ BCCI và Chính sách giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hoá cụ thể:

I, Chính sách miễn giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả tại Điều 4 Thông tư 22 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Đối tượng được miễn giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả gồm:

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945;

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

2. Đối tượng được giảm 50% giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả gồm:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;

b) Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh;

c) Bệnh binh;

d) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

đ) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

e) Vợ hoặc chồng, con đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ của liệt sĩ;

g) Người dân thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

h) Người dân ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

(Kèm theo phụ lục mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi và trả kết quả TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông niêm yết)

II, Chính sách giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hoá quy định tại Điều 24:

Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ

công trực tuyến theo qui định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo qui định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

UBND xã Quảng Đức thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện chính sách miễn giảm giá cước dịch vụ nhận xử hồ sơ, chuyển phát kết quả TTHC qua dịch vụ BCCI. Và chính sách giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đồng thời thực hiện quyền giám sát đối với cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- TTr Đảng ủy- HĐND xã;
- CT, P.CTUBND xã;
- MTTQ và các hội đoàn thể;;
- Công chức chuyên môn UBND xã;
- 6 thôn;
- Đài truyền thanh xã thông báo;
- Niêm yết tại trang thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT + HS KSTTHC.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Mai

PHỤ LỤC

MỨC GIÁ CƯỚC TỐI ĐA DỊCH VỤ NHẬN GỬI HỒ SƠ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ CHUYỂN TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB- UBND ngày 15/01/2025 của UBND xã Quảng Đức)

1. Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nấc khối lượng	Nội tỉnh		Liên tỉnh		
		Nội quận/thị xã/huyện/ thành phố	Liên quận/thị xã/huyện/ thành phố	Nội vùng	Vùng 1, vùng 3 đến vùng 2 và ngược lại	Vùng 1 đến vùng 3 và ngược lại
1	Đến 100g	26.000	30.000	30.500	31.000	31.500
2	Trên 100g đến 250g	26.000	30.000	31.000	34.000	38.000
3	Trên 250g đến 500g	26.500	30.500	32.500	38.000	51.000
4	Mỗi 500g tiếp theo	2.200	2.900	3.600	6.300	9.700

2. Mức giá cước tối đa dịch vụ chuyển trả kết quả

Đơn vị tính: đồng

TT	Nấc khối lượng	Nội tỉnh		Liên tỉnh		
		Nội quận/thị xã/huyện/ thành phố	Liên quận/thị xã/huyện/ thành phố	Nội vùng	Vùng 1, vùng 3 đến vùng 2 và ngược lại	Vùng 1 đến vùng 3 và ngược lại
1	Đến 100g	26.000	30.000	30.500	31.000	31.500
2	Trên 100g đến 250g	27.000	31.000	32.000	35.000	39.000
3	Trên 250g đến 500g	28.500	32.500	34.500	40.000	53.000
4	Mỗi 500g tiếp theo	2.200	2.900	3.600	6.300	9.700

3. Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ và chuyển trả kết quả

Mức giá cước tối đa dịch vụ nhận gửi hồ sơ và chuyển trả kết quả bằng mức giá cước tối đa quy định tại mục 1 cộng với mức giá cước tối đa quy định tại mục 2 của Phụ lục này.

4. Quy định về vùng tính giá cước

- Nội quận/thị xã/huyện/thành phố: Áp dụng đối với các bưu gửi được gửi trong cùng một quận/thị xã/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh.
- Liên quận/thị xã/huyện/thành phố: Áp dụng đối với các bưu gửi được gửi giữa các quận/thị xã/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh.

- Vùng 1 gồm 29 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.
- Vùng 2 gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk và Đắk Nông.
- Vùng 3 gồm 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, tp.Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.